

**CÔNG TY TNHH ĐỒ GỖ NỘI THẤT HOÀNG MINH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐỒ GỖ NỘI THẤT HOÀNG MINH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG MINH INTERIOR FURNITURE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: HOANG MINH FURNITURE CO., TLD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0107593306

**3. Ngày thành lập:** 10/10/2016

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 2, đường Quang Tiến, tổ dân phố Giao Quang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0975473072

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1621     |
| 2.  | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1622     |
| 3.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4662     |
| 4.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4663     |
| 5.  | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                            | 4752     |
| 6.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759     |
| 7.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 3100     |
| 8.  | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4100     |
| 9.  | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4210     |
| 10. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4220     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | <p>Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng công trình công nghiệp, trừ nhà cửa như:</li> <li>+ Các nhà máy lọc dầu,</li> <li>+ Các xưởng hoá chất,</li> <li>- Xây dựng công trình cửa như:</li> <li>+ Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống...</li> <li>+ Đập và đê.</li> <li>- Xây dựng đường hầm;</li> <li>- Các công trình thể thao ngoài trời.</li> </ul>                                                                                      | 4290 |
| 12. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4311 |
| 13. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4312 |
| 14. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321 |
| 15. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322 |
| 16. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4329 |
| 17. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4330 |
| 18. | <p>Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Xây dựng nền móng của toà nhà, gồm đóng cọc,</li> <li>+ Thử độ ẩm và các công việc thử nước,</li> <li>+ Chồng ẩm các toà nhà,</li> <li>+ Chôn chân trụ,</li> <li>+ Dỡ bỏ các phần thép không tự sản xuất,</li> <li>+ Uốn thép,</li> <li>+ Xây gạch và đặt đá,</li> <li>+ Lợp mái bao phủ toà nhà,</li> <li>+ Dựng giàn giáo và các công việc tạo dựng mặt bằng bằng dỡ bỏ hoặc phá huỷ các công trình xây dựng trừ việc thuê giàn giáo và mặt bằng,</li> </ul> | 4390 |
| 19. | <p>Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện</p> <p>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4649 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                     |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 20. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết:<br>- Thiết kế kiến trúc công trình<br>- Thiết kế nội, ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan<br>- Thiết kế kết cấu công trình<br>- Thiết kế điện - cơ điện công trình<br>- Thiết kế cấp - thoát nước<br>- Thiết kế phòng cháy - chữa cháy<br>- Lập kế hoạch dự toán; Thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng công trình | 7110(Chính)                                                         |
| 21. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 7120                                                                |
| 22. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết:<br>- Hoạt trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7410                                                                |
| 23. | ( Doanh nghiệp chỉ được hoạt động sản xuất kinh doanh khi đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định pháp luật hiện hành)                                                                                                                                                                                                                                                                   | <i>Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam</i> |

**6. Vốn điều lệ:** 1.500.000.000 VNĐ

### 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: TRƯỜNG VĂN MINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 13/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035089000467

Ngày cấp: 30/03/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, Xã Xuân Khê, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2, đường Quang Tiến, tổ dân phố Giao Quang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

### 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: TRƯỜNG VĂN MINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 13/08/1989

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 035089000467

Ngày cấp: 30/03/2016

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 7, Xã Xuân Khê, Huyện Lý Nhân, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Số 2, đường Quang Tiến, tổ dân phố Giao Quang, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội